

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2020/DS-PT  
Ngày 28-12-2020  
V/v tranh chấp giao dịch dân sự  
về hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Minh Đa

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thành Trung  
Ông Ngô Văn Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 369/2020/TLPT-DS ngày 13/11/2020 về việc “tranh chấp giao dịch dân sự về hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 312/2020/QĐ-PT ngày 19/11/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 35/10, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 15A, đường H, khu phố 2, phường 2, thị xã K, tỉnh Long An; tạm trú: Số 95/10, đường Lê Hồng P1, khu phố 5, phường P2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 11/6/2020).

**- Bị đơn:**

1. Ông Võ Văn N, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 130, đường Võ Thị S, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Kim L (tên gọi khác N), sinh năm 1967; địa chỉ: 82B/21, khu phố N1, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Phan Văn B1, sinh năm 1980; địa chỉ: 1423/11B, khu phố Đ1, phường T2, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1965; địa chỉ: 83B/21, khu phố N1, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ông Phan Văn B1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2020, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Năm 2017, ông Nguyễn Đình K tham gia chơi 02 dây hội do bà Nguyễn Thị Kim L (tên gọi khác: N) làm chủ hội. Trong 02 dây hội đều có 15 người chơi, mỗi dây 21 phần, một phần đóng 20.000.000 đồng/tháng. Ông Nguyễn Đình K tham gia 02 dây, mỗi dây 01 phần. Theo thỏa thuận, 02 dây hội khai cùng ngày, mỗi tháng khai 01 lần, thành viên bỏ lãi cao thì được lĩnh hội, chủ hội được hưởng hoa hồng 10.000.000 đồng/01 dây hội, người lĩnh hội sẽ có trách nhiệm thanh toán hoa hồng cho chủ hội. Bà Nguyễn Thị Kim L vừa là chủ hội, vừa là thành viên tham gia chơi hội.

Hai dây hội, được khai làm 03 kỳ, cụ thể:

+ Kỳ 1, khai ngày 15/6/2017: Dây 01 có 02 thành viên không đóng, ông K đóng 01 phần hội sống 17.000.000 đồng (hưởng lãi 3.000.000 đồng/phần), bà L lĩnh được 306.000.000 đồng; dây 02 có 02 thành viên không đóng, ông K đóng 01 phần hội sống 17.000.000 đồng (hưởng lãi 3.000.000 đồng/phần), ông N lĩnh được 323.000.000 đồng, trừ phần tiền ông N phải đóng, số tiền ông N lĩnh thực tế là 238.000.000 đồng.

+ Kỳ 2, khai ngày 14/7/2017: Có 02 thành viên không đóng cho 02 dây, ông K đóng 02 phần hội sống là 29.600.000 đồng (hưởng lãi 5.200.000 đồng/phần); ông N lĩnh cả 02 dây với số tiền là 569.000.000 đồng.

+ Kỳ 3, khai ngày 18/8/2017: Có 02 thành viên không đóng cho 02 dây, ông K đóng 02 phần hội sống là 31.000.000 đồng (hưởng lãi 4.500.000 đồng/phần); ông B lĩnh cả 02 dây với số tiền là 638.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền ông N lĩnh là 807.000.000 đồng, có số tiền ông K đóng và hưởng lãi của hội là 60.000.000 đồng; số tiền ông B lĩnh là 638.000.000 đồng, có số tiền ông K đóng và hưởng lãi của hội là 40.000.000 đồng; số tiền bà L lĩnh hội là 306.000.000 đồng, có số tiền ông K 20.000.000 đồng.

Sau khi các bị đơn lĩnh hội thì không đóng tiếp nữa làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Từ tháng 9/2017, các dây hội không hoạt động nữa. Năm 2018, ông N đã trả cho ông K 30.079.664 đồng còn nợ lại 29.920.336 đồng, ông B trả 22.154.784 đồng, còn nợ lại 17.845.216 đồng, bà L trả 4.518.014 đồng, còn nợ lại 15.481.986 đồng.

Quá trình tố tụng, ông K yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc ông Võ Văn N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đình K 29.920.336 đồng nợ hui và bồi thường thiệt hại tính đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020) là 8.094.789 đồng, tổng là 38.015.126 đồng.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Kim L (tên gọi khác: N) có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đình K 15.481.986 đồng nợ hui và bồi thường thiệt hại tính đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020) là 4.188.570 đồng, tổng là 19.670.556 đồng.

+ Buộc Ông Phan Văn B1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đình K 17.845.216 đồng nợ hui và bồi thường thiệt hại tính đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020) là 4.827.929 đồng, tổng là 22.673.145 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đồng thời xác định các yêu cầu cụ thể như sau:

+ Buộc ông Võ Văn N có trách nhiệm trả cho ông K số tiền hui còn nợ là 29.920.336 đồng;

+ Buộc bà Nguyễn Thị Kim L có trách nhiệm trả cho ông K số tiền hui còn nợ là 15.481.986 đồng;

+ Buộc Ông Phan Văn B1 có trách nhiệm trả cho ông K số tiền hui còn nợ là 17.845.216 đồng.

- *Tại bản tự khai ngày 02/7/2020, biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Văn N trình bày:*

Ông quen biết bà Nguyễn Thị Kim N do làm ăn chung với nhau, còn bà Nguyễn Thị Kim L ông biết là em gái của bà N. Ông Nguyễn Đình K là thành viên cùng tham gia chơi hui do bà N làm chủ hui.

Khoảng tháng 4, tháng 5/2017, bà Nguyễn Thị Kim N rủ chơi hui. Đến tháng 6/2017 bắt đầu chính thức khai hui. Tất cả có 03 dây hui, mỗi dây có 21 thành viên. Ông tham gia 03 dây, mỗi dây 02 phần, tổng cộng 06 phần, mỗi phần đóng 20.000.000 đồng. Kỳ khai hui, thành viên đóng phần hui sống sau khi trừ tiền lãi. Ông N đã lĩnh 04 phần hui với tổng số tiền là 1.177.000.000 đồng, ông đóng tiền hoa hồng cho bà N 40.000.000 đồng, còn bà N chia số tiền hoa hồng cho ai thì ông không biết. Trong số tiền hui ông lĩnh có phần đóng hui sống của ông K là 46.600.000 đồng, sau khi trừ phần lãi. Trường hợp dây hui vẫn tiếp tục hoạt động thì ông K lĩnh hui trong đó ông phải đóng phần hui chết với số tiền 60.000.000 đồng.

Trong tổng số tiền hui, ông N lĩnh 1.177.000.000 đồng, ông không nhận về mà bà N giữ, đồng thời ông đưa thêm 23.000.000 đồng cho bà N là

1.200.000.000 đồng để bà N mua cổ phần FPT. Số tiền này là số tiền bà N lừa đảo chiếm đoạt tài sản và ông là bị hại trong vụ án hình sự đang được cơ quan cảnh sát điều tra Cơ quan C Bình Dương điều tra. Từ tháng 9/2017, các dây hui không hoạt động, bà N bị cơ quan điều tra truy tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hiện đang bị tạm giam.

Quá trình tố tụng, ông N có ý kiến ông và bà N cùng có trách nhiệm trả, tuy nhiên việc trả tiền cho nguyên đơn sẽ được thực hiện sau khi ông được bà N trả tiền thiệt hại do mua cổ phần FPT trong vụ án hình sự lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại phiên tòa, ông N xác định số tiền hui ông lĩnh ông không nhận mà bà N giữ nên bà N phải có trách nhiệm trả tiền cho ông K, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại bản tự khai ngày 03/7/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Ông Phan Văn B1 trình bày:*

Ông quen biết với bà Nguyễn Thị Kim N do làm ăn chung với nhau, còn bà Nguyễn Thị Kim L ông biết là em gái của bà N. Ông Nguyễn Đình K là thành viên cùng tham gia chơi hui do bà N làm chủ hui.

Khoảng tháng 4, 5/2017, bà Nguyễn Thị Kim N rủ chơi hui. Đến tháng 6/2017 bắt đầu chính thức khai hui. Tất cả có 03 dây hui, mỗi dây có 21 thành viên. Ông tham gia 02 dây, mỗi dây 01 phần, mỗi phần đóng 20.000.000 đồng. Kỳ khai hui, thành viên đóng phần hui sống sau khi trừ tiền lãi. Ông B đã lĩnh hết 02 phần hui với tổng số tiền là 638.000.000 đồng, ông đóng tiền hoa hồng cho bà N 20.000.000 đồng, còn bà N chia số tiền hoa hồng cho ai thì ông không biết.

Số tiền hui trên, ông B đã nhận hết từ bà N. Đồng thời, trước đó ngày 28/01/2016, ông có cho bà N vay số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, đến tháng 8/2017 bà N không trả tiền cho ông, ông mới chỉ lấy lại được nợ gốc 250.000.000 đồng, bà N còn nợ lại 750.000.000 đồng. Khoảng tháng 8/2016, bà N rủ ông mua cổ phần FPT, ông B mua với số tiền 1.850.000.000 đồng nên khi lĩnh hui ông đã sử dụng toàn bộ số tiền hui để trả vào tiền mua cổ phần FPT. Từ tháng 9/2017, các dây hui không hoạt động nữa, do việc mua cổ phần FPT là không có thật, sau đó bà N bị cơ quan điều tra truy tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đang bị tạm giam.

Trong 02 dây hui, phần của nguyên đơn đóng sau khi trừ lãi thì số tiền thực đóng là 31.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông B có ý kiến ông và bà N cùng có trách nhiệm trả, tuy nhiên việc trả tiền cho nguyên đơn sẽ được thực hiện sau khi ông được bà N trả tiền thiệt hại do mua cổ phần FPT trong vụ án hình sự lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/6/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Bà là em gái ruột của bà Nguyễn Thị Kim N (thường gọi là N1), còn mọi

người thường gọi bà là N. Khoảng tháng 5,6 năm 2017, bà Nguyễn Thị Kim N cùng với nhóm bạn trong tập thể FPT có lập 03 dây hội, mỗi dây tham gia chơi là 20.000.000 đồng/01 phần. Do không có điều kiện để mua cổ phần của FPT nên bà N với nhóm bạn cùng đề cử bà làm chủ hội để được hưởng tiền hoa hồng. Bà làm chủ cả 03 dây hội đồng thời tham gia với tư cách người chơi hội 02 dây là dây 01 và dây 02 trong đó có ông Nguyễn Đình K. Việc bà làm chủ hội chỉ trên hình thức và được hưởng tiền hoa hồng của mỗi kỳ 10.000.000 đồng/01 lần lĩnh hội. Còn các giấy tờ, sổ sách ghi đều do bà N và mọi người chơi cùng thực hiện. Bà đã lĩnh 01 phần hội với số tiền hơn 300.000.000 đồng, bà đã đưa cho bà N để mua cổ phần FPT, cụ thể mua thế nào giấy tờ ra sao thì bà không biết. Từ tháng 9/2017, cả 03 dây hội đều không hoạt động do tập thể FPT không có thật, bà Nguyễn Thị Kim N bị tố cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đã bị tạm giam.

Quá trình tố tụng, bà L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, do hoàn cảnh hiện nay rất khó khăn nên mong nguyên đơn xem xét giảm tiền lãi.

Tại phiên tòa, bà L cho rằng bà N có lời khai xác định có trách nhiệm trả thay phần nghĩa vụ của bà cho nguyên đơn nên đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận ý kiến của bà N.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:*

Bà là chị ruột của bà Nguyễn Thị Kim L, còn ông N, ông K và ông B là người quen biết cùng tham gia chơi hội.

Khoảng tháng 6/2017, bà có tham gia chơi 03 dây hội, lúc đầu các thành viên trong dây hội đề cử bà là chủ hội nhưng bà không làm mà để cho bà L làm chủ hội vì hoàn cảnh của bà L khó khăn, mọi người thống nhất chi tiền hoa hồng cho bà L để giúp đỡ bà L. Tiền hoa hồng là 10.000.000 đồng/01 lần lĩnh hội. Trong 03 dây hội, bà N chơi 07 phần, mỗi phần 20.000.000 đồng và bà chưa lĩnh phần hội nào. Ông N đã lĩnh 04 phần, ông B lĩnh hết 02 phần. Số tiền lĩnh hội của ông N và ông B bà đã dùng để mua cổ phần FPT. Bà L tham gia chơi hội và cũng mua cổ phần FPT, do trước đó bà cho bà L vay tiền để mua cổ phần FPT nên phần hội của bà L là do bà lĩnh để cân trừ vào khoản nợ vay.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà N đồng ý để ông B, ông N có trách nhiệm trả tiền cho nguyên đơn. Phần trách nhiệm của bà L thì sẽ do bà trả thay cho bà L.

Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Võ Văn N bồi thường thiệt hại số tiền là 8.094.789 đồng (tám triệu, không trăm chín mươi bốn, nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng), buộc Ông Phan Văn B1 bồi thường thiệt hại số tiền 4.827.929 đồng (bốn triệu, tám trăm

hai mươi bảy nghìn, chín trăm hai mươi chín đồng); buộc bà Nguyễn Thị Kim L bồi thường thiệt hại số tiền 4.188.570 đồng (bốn triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi đồng). Tổng cộng 17.111.288 đồng (mười bảy triệu, một trăm mười một nghìn, hai trăm tám mươi tám đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Võ Văn N, Ông Phan Văn B1 và bà Nguyễn Thị Kim L về tranh chấp hội.

Buộc bị đơn ông Võ Văn N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đình K số tiền hội còn nợ là 29.920.336 đồng (hai mươi chín triệu, chín trăm hai mươi nghìn, ba trăm ba mươi sáu đồng).

Buộc Ông Phan Văn B1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đình K số tiền hội còn nợ là 17.845.216 đồng (mười bảy triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm mười sáu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đình K số tiền hội còn nợ là 15.481.986 đồng (mười lăm triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi có án sơ thẩm, bị đơn Ông Phan Văn B1 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu tính lãi hội của nguyên đơn; ông B chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền đã nhận. Bị đơn ông Võ Văn N có nộp đơn kháng cáo nhưng ông N không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu Lai và bị đơn Ông Phan Văn B1 thỏa thuận như sau:

Ông Phan Văn B1 trả thêm cho ông Nguyễn Đình K số tiền hội (tính gốc) 8.845.216 đồng.

Án phí và các chi phí tố tụng: Các đương sự đề nghị Tòa án quyết định theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; sự thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Đình K và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L không kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm; bị đơn ông Võ Văn N nộp đơn kháng

cáo nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được coi như đã từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, quyết định của bản án dân sự sơ thẩm liên quan đến quyền lợi của ông Nguyễn Đình K, bà Nguyễn Thị Kim L và ông Võ Văn N có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 282 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Ông Phan Văn B1, thấy rằng:

Tại đơn khởi kiện và lời khai của các bên đương sự đều thể hiện: Ông Nguyễn Đình K, Ông Phan Văn B1 và một số người khác là thành viên góp vốn trong các dây hụi do bà Nguyễn Thị Kim L (hay gọi là N) làm chủ hụi, mỗi kỳ góp hụi, giao tiền hụi thì chủ hụi được hưởng tiền hoa hồng. Do đó, nếu không có thỏa thuận khác thì ông Nguyễn Đình K (hụi viên) không có quyền khởi kiện Ông Phan Văn B1 (hụi viên) để đòi tiền nợ hụi khi dây hụi bị chấm dứt hoạt động; trong trường hợp này trách nhiệm với các hụi viên là chủ hụi. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ có thỏa thuận giữa ông K và ông B hay không?. Ông K có quyền khởi kiện ông B hay không? mà thụ lý yêu cầu khởi kiện giữa ông K và ông B là chưa đúng bản chất của giao dịch dân sự về hụi.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông K và ông B thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; sự thỏa thuận giữa hai bên là không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Tòa án ghi nhận.

[3] Án phí và các chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều: 147, 148, 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Đình K và Ông Phan Văn B1 như sau:

Ông Phan Văn B1 phải trả cho ông Nguyễn Đình K số tiền còn nợ hụi (gốc) còn lại là 8.845.216 đồng (tám triệu, tám trăm bốn mươi năm nghìn, hai trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn B1 phải chịu 442.260 đồng (bốn trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm sáu mươi đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn B1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0048595 ngày 22/9/2020 của Chi cục T3 thành phố D, tỉnh Bình Dương.

5. Một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 về trách nhiệm trả tiền, án phí sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố D có liên quan đến quyền lợi của ông Nguyễn Đình K, ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị Kim L đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP D;
- TAND TP D;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa D.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Đào Minh Đa**